

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 25/2023/DS-ST
Ngày: 30 – 9 - 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phước
2. Ông Tạ Đình Thành

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TLST – DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Lương Xuân H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu phố D, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Thị L** năm: 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố D, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

(Theo hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 26/7/2023)

* Bị đơn: Ông Dương Văn H1, sinh năm 1983(vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Lê Thị L** năm: 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố D, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

- Bà **Chu Thị D** năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên vào khoảng tháng 12/2020 ông **H2** cho ông **Dương Văn H3** số tiền 300.000.000 đồng và khoảng tháng 2/2021 ông **H4** vay thêm 200.000.000 đồng, do tin tưởng nên cả hai không viết giấy tờ gì. Đến ngày 05/04/2021 ông H1 có vay tiếp của ông H4 400.000.000 đồng và ngày 06/7/2021 vay thêm 100.000.000 đồng, lần vay này ông **H2** viết giấy mượn tiền. Mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng, lãi suất cả

hai thỏa thuận miệng với nhau, thời hạn trả là khi nào ông H5 sẽ báo cho ông H1 trước một tuần. Đến tháng 6/2022, ông H5 tiền có báo cho ông H1 nhưng ông H1 cứ xin khát lần, hứa hẹn bán đất sẽ trả đủ. Đến nay ông H1 vẫn chưa trả được khoản tiền nợ trên, Do vậy, nguyên đơn yêu cầu ông Dương Văn H6 vợ Chu Thị D1 có nghĩa vụ liên đới trả số nợ là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) cùng số tiền lãi suất tính theo quy định pháp luật từ tháng 6/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 500.000.000 đồng không có giấy tờ.

**Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Văn H1 trình bày:*

Ông H1 với ông H2 góp vốn làm ăn chung. Ông H1 thừa nhận ông H2 đưa cho ông H1 số tiền 500.000.000 đồng. Ông H1 là người sử dụng số tiền này và trực tiếp làm ăn. Hàng tháng ông H1 vẫn trả lãi cho ông H7 làm ăn thua lỗ, bị giạt nợ nên ông H1 không có khả năng trả số tiền trên và lãi cho ông H8 trước yêu cầu khởi kiện của ông H9. H1 đồng ý trả số nợ gốc 500.000.000 đồng với phương thức trả dần và xin không trả lãi vì hiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L1 trình bày:*

Bà thống nhất với phần trình bày của ông Lương Xuân H10 nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của ông H11 không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị D2 quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà D3 thừa nhận bà và chồng là anh H1 có nợ số tiền 500.000.000đ của ông H12 thống nhất phương án xin trả dần số tiền nợ trên vì hoàn cảnh gia đình hiện tại rất khó khăn, đồng thời bà xin không trả lãi.

**Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm nào.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố L, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết và giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp Hội đồng xét xử xác định bị đơn ông Dương Văn H13 nợ số tiền 500.000.000 đồng của ông H

Cụ thể: lần 1 vào ngày 05/4/2021 đưa số tiền 400.000.000 đồng và lần 2 vào ngày 07/06/2021 đưa số tiền 100.000.000 đồng.

Giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là Hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi được quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự.

Do ông H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự ông H1 phải có nghĩa vụ trả số tiền đã vay cho nguyên đơn.

[3.2] Hội đồng xét thấy ông H1 vay tiền để về làm ăn duy trì kinh tế trong gia đình, đây là nợ chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, trong quá trình giải quyết bà D4 thừa nhận và đồng ý cùng ông H1 trả, bà xin được trả thành nhiều đợt. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung của ông H1 bà D. Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình buộc bà Chu Thị D5 có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên cho nguyên đơn.

[3.3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Do nguyên đơn và bị đơn xác định có thỏa thuận lãi nhưng không xác định rõ lãi suất nên căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự xác định lãi suất 20%/năm của khoản vay 500.000.000 đồng tính từ tháng 6/2022 (15 tháng) .

$500.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 15 \text{ tháng} = 125.000.000 \text{ đồng}.$

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.4] Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 500.000.000 đồng không có giấy tờ. Xét thấy việc rút đơn này là tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[3.5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung của vụ án là có cơ sở nên cần được ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Dương Văn H6 bà Chu Thị D5 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; khoản 2 Điều 229; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 UBTWQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 500.000.000 đồng không có giấy tờ.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Dương Văn H6 bà Chu Thị D5 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lương Xuân H số tiền 625.000.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng).

(Trong đó: 500.000.000 đồng là tiền gốc và 125.000.000 đồng là tiền lãi).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Dương Văn H6** bà **Chu Thị D1** có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

Hoàn trả lại cho ông Lương Xuân H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008606 ngày 24/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MINH NGHĨA